

BẢN SAO

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THANH HÓA
CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 09 THÁNG 06 NĂM 2016
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Thanh Hóa (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 09 tháng 06 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 (năm tài chính đầu tiên Công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần).

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 09 tháng 06 năm 2016 đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Đỗ Thị Minh Hải	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Hồ Viết Lân	Thành viên
Ông Thiệu Văn Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Quý	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Hồ Viết Lân	Giám đốc
Ông Thiệu Văn Sơn	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Quý	Phó Giám đốc
Ông Trần Chính	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 09/6/2016)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Hồ Việt Lân

Giám đốc

Ngày 30 tháng 03 năm 2017



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: + 84 (4) 666 42 777 Fax: + 84 (4) 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 175.03/2017/BCKT-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Thanh Hóa

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Thanh Hóa (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 30 tháng 03 năm 2017, từ trang 5 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 09 tháng 06 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 (năm tài chính đầu tiên Công ty chuyển sang công ty cổ phần) và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm lập báo cáo kiểm toán chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ biên bản đối chiếu công nợ phải thu khách hàng, phải thu khác, phải trả khác với số tiền lần lượt là 49.749.225.538 đồng, 2.828.637.524 đồng, 30.910.198.220 đồng. Các thủ tục kiểm toán thay thế của chúng tôi cũng không cung cấp đủ căn cứ để đánh giá tính hiện hữu và giá trị của các khoản mục công nợ phải thu phải trả trên báo cáo tài chính. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về ảnh hưởng của vấn đề trên đến các khoản công nợ phải thu khách hàng, phải thu khác, phải trả khác và ảnh hưởng của các khoản mục này đến các chỉ tiêu trình bày trên Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 09 tháng 06 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Chúng tôi đã không thể tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt tại các xí nghiệp trực thuộc Công ty với giá trị là 2.949.176.438 đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016. Chúng tôi cũng không thể thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến nhận xét về tình hiện hữu của các khoản tiền mặt với giá trị là 2.949.176.438 đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty cũng như ảnh hưởng của khoản mục này tới Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 09 tháng 06 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, số gốc vay và lãi vay phải trả Bộ Tài Chính trình bày trên khoản mục "Vay và nợ dài hạn" là 49.838.118.091 đồng. Trong đó, số dư gốc vay và lãi vay đã có đối chiếu công nợ là 35.903.486.831 đồng; phần giá trị còn lại là 13.934.631.260 đồng chưa có đối chiếu công nợ. Chúng tôi cũng không thể thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến nhận xét về tình hiện hữu của khoản phải trả này.

Trong kỳ, Công ty ghi nhận chi phí dự án nghĩa trang nhân dân Chợ Nhàng, thành phố Thanh Hóa theo dự toán với tổng giá trị là 19.341.467.975 đồng để đảm bảo nguyên tắc tổng mức thu đủ bù đắp chi phí thực hiện dự án mà không dựa trên thực tế phát sinh. Do đó, giá vốn hàng bán và công nợ phải trả ngắn hạn khác bị ghi tăng với số tiền tương ứng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 09 tháng 06 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Nam Cường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1950 -2013-072-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài
chính Quốc tế (ITC)
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2017

UBND PHƯỜNG NGỌC TRẠO - TP. THANH HÓA

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 2643/Quyển số: 01/SCT/BS

Ngày: 4 tháng 7 năm 2017

Ký CHỦ TỊCH



Nguyễn Như Phương
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2021-2013-072-1

PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Thị Vân

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	09/06/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		124.159.758.401	92.132.869.592
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	33.118.530.054	24.430.805.554
1. Tiền	111		17.118.530.054	11.430.805.554
2. Các khoản tương đương tiền	112		16.000.000.000	13.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		54.353.630.177	41.539.414.051
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	49.749.225.538	36.369.329.016
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.463.809.188	1.053.517.595
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	3.140.595.451	4.116.567.440
III. Hàng tồn kho	140		34.550.503.433	26.162.649.987
1. Hàng tồn kho	141	V.4	34.550.503.433	26.162.649.987
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.137.094.737	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	2.136.982.787	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.8a	111.950	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		46.066.379.756	54.027.247.827
I. Tài sản cố định	220		40.704.849.977	45.787.642.024
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	40.704.849.977	45.787.642.024
- Nguyên giá	222		71.194.630.422	71.194.630.422
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(30.489.780.445)	(25.406.988.398)
II. Tài sản dài hạn khác	260		5.361.529.779	8.239.605.803
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	5.361.529.779	8.239.605.803
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		170.226.138.157	146.160.117.419

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	09/06/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		137.333.053.476	118.866.499.639
I. Nợ ngắn hạn	310		81.495.267.638	57.522.928.779
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.7	31.011.182.513	19.317.356.094
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.787.978.437	5.087.091.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.8b	889.687.721	6.258.707.300
4. Phải trả người lao động	314		5.727.701.969	3.300.355.767
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		147.682.561	944.276.450
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.9	27.742.784.220	17.945.886.529
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10	9.975.204.368	3.310.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.213.045.849	1.359.255.639
II. Nợ dài hạn	330		55.837.785.838	61.343.570.860
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		7.372.872.115	6.148.515.077
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	48.464.913.723	55.195.055.783
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		32.893.084.681	27.293.617.780
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.12	33.953.922.497	32.977.900.000
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		32.977.900.000	32.977.900.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		976.022.497	-
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		976.022.497	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		(1.060.837.816)	(5.684.282.220)
1. Nguồn kinh phí	431		(1.060.837.816)	(5.684.282.220)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		170.226.138.157	146.160.117.419



Hồ Việt Lân
 Giám đốc
 Ngày 30 tháng 03 năm 2017

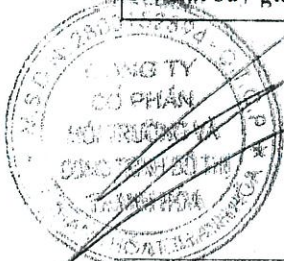
Lê Thị Thu Hà
 Phụ trách kế toán

Nguyễn Thị Ngọc
 Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 09 tháng 06 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 09/06/2016 đến ngày 31/12/2016	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 08/06/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	115.730.368.677	63.985.755.068
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	261.324.649	62.975.999
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	115.469.044.028	63.922.779.069
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	104.281.313.435	57.677.496.109
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11.187.730.593	6.245.282.960
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	137.106.535	296.481.082
7. Chi phí tài chính	22		1.388.469.737	1.000.694.010
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.388.469.737	1.000.694.010
8. Chi phí bán hàng	25		-	18.600.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	8.511.198.630	4.276.789.584
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.425.168.761	1.245.680.448
11. Thu nhập khác	31	VI.5	10.002.684	166.963.862
12. Chi phí khác	32	VI.6	75.403.589	320.655.843
13. Lợi nhuận khác	40		(65.400.905)	(153.694.981)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.359.767.856	1.091.988.467
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	380.964.769	186.489.244
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		978.803.087	905.499.223
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	297	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		297	-



Hồ Việt Lân
Giám đốc
Ngày 30 tháng 03 năm 2017

Lê Thị Thu Hà
Phụ trách kế toán

Nguyễn Thị Ngọc
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 09 tháng 06 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 09/06/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2016 đến 08/06/2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	101.439.662.836	81.252.352.648
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(22.429.350.157)	(21.033.816.467)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(36.042.394.544)	(27.236.308.177)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(1.701.830.429)	(1.605.006.033)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(595.221.768)	(565.375.124)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	3.964.841.728	26.186.130.853
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(36.333.512.701)	(52.542.449.191)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	8.302.194.965	4.455.528.509
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(3.104.640.000)
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(18.650.000.000)
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	22.200.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	137.106.535	151.164.415
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	137.106.535	596.524.415
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	3.825.000.000	1.700.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.576.577.000)	(4.401.577.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	248.423.000	(2.701.577.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	8.687.724.500	2.350.475.924
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	24.430.805.554	22.080.329.630
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	33.118.530.054	24.430.805.554



Hồ Việt Ân
 Giám đốc

Ngày 30 tháng 03 năm 2017

Lê Thị Thu Hà
 Phụ trách kế toán

Nguyễn Thị Ngọc
 Người lập

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Thanh Hóa (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Môi trường và Đô thị Thanh Hóa. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2800152894 đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 06 năm 2010 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba cấp ngày 09 tháng 06 năm 2016 chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước sang hình thức công ty cổ phần. Vốn điều lệ của Công ty là 32.000.000.000 đồng, chia thành 3.200.000 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, không có cổ phần ưu đãi.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cơ cấu vốn góp của chủ sở hữu như sau:

Loại nguồn vốn	Tỷ lệ (%)	31/12/2016 VND
Vốn ngân sách nhà nước	52,45%	17.297.900.000
Bà Đỗ Minh Hải	21,29%	7.022.000.000
Cổ đông khác	26,25%	8.658.000.000
Cộng	100%	32.977.900.000

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 467 Lê Hoàn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

STT	Tên	Địa chỉ
1	Xí nghiệp công viên cây xanh	Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
2	Xí nghiệp dịch vụ tang lễ	Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
3	Xí nghiệp cơ khí môi trường	Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
4	Xí nghiệp xử lý môi trường	Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
5	Xí nghiệp xây dựng	Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
6	Xí nghiệp quản lý và xây lắp điện	Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
7	Văn phòng Công ty	Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Dịch vụ thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải, tái chế phế liệu: Rác thải không độc hại, độc hại, rác thải y tế, rác thải công nghiệp, rác thải độc hại khác;
- Hoạt động quản lý thoát nước và xử lý nước thải;
- Quản lý, khai thác, chăm sóc công viên, khuôn viên, vườn hoa cây xanh đô thị;
- Quản lý, khai thác bảo dưỡng hệ thống điện chiếu sáng, điện trang trí thành phố, thiết bị kỹ thuật điện và công nghiệp;
- Quản lý nghĩa trang, nghĩa địa. Dịch vụ tang lễ;
- Quản lý duy tu đường giao thông nội thị;
- Sản xuất, cung cấp các sản phẩm thiết bị, phương tiện chuyên dùng phục vụ công tác vệ sinh môi trường, công viên cây xanh, điện chiếu sáng, tang lễ;
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề, dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

- Xây dựng các công trình: Dân dụng, giao thông, thủy lợi, san lấp mặt bằng, hạ tầng kỹ thuật đô thị, phòng chống mối mọt; xây dựng các công trình điện đến 35KV, sửa chữa và hoàn thiện các công trình xây dựng;
- Giám sát thi công các công trình: Dân dụng, giao thông, thủy lợi, san lấp mặt bằng, hạ tầng kỹ thuật đô thị, công trình điện đến 35KV;
- Tư vấn đầu thầu, lập dự án; tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình: Dân dụng, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật đô thị, các công trình điện đến 35KV;
- Thiết kế, lập tổng dự toán và dự toán công trình dân dụng, lập quy hoạch các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp;
- Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng và bằng ô tô loại khác. Cho thuê xe có động cơ;
- Kinh doanh xăng dầu, khí đốt và các sản phẩm có liên quan;
- Kinh doanh và cung cấp các sản phẩm về cây xanh, hoa cây cảnh, giống cây trồng, xây dựng lắp đặt các công trình: vườn hoa, vườn cảnh, vườn rừng.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 09 tháng 06 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 09 tháng 06 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là năm tài chính đầu tiên Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng Thông tư số 200/2014/TT - BTC (“Thông tư 200”) ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán cho doanh nghiệp trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản kỳ quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền (hoặc

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hàng tồn kho (Tiếp theo)

nhập trước xuất trước hoặc thực tế đích danh hoặc phương pháp giá bán lẻ trong trường hợp hàng hóa). Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 14
Máy móc, thiết bị	04 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 15
Thiết bị dụng cụ quản lý	03
Tài sản cố định hữu hình khác	04 - 08

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, giá trị thương hiệu và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng. (xem chi tiết dưới đây).

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoài trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	09/06/2016
	VND	VND
Tiền mặt	3.599.328.061	5.675.101.420
Tiền gửi ngân hàng	13.519.201.993	5.755.704.134
Tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng	16.000.000.000	13.000.000.000
Cộng	33.118.530.054	24.430.805.554

2. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2016	09/06/2016
	VND	VND
- Phòng Tài chính Kế hoạch thành phố - TP Thanh hoá	26.733.358.276	19.543.824.672
- Tổng công ty phát triển nhà và đô thị (HUD)	5.641.567.340	
- Các khoản phải thu khách hàng khác	17.374.299.922	16.825.504.344
Cộng	49.749.225.538	36.369.329.016

3. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2016	09/06/2016
	VND	VND
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	650.000.000	652.580.000
Tạm ứng	311.957.927	1.101.033.700
Phải thu khác	2.178.637.524	2.362.953.740
Cộng	3.140.595.451	4.116.567.440

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH
ĐÔ THỊ THANH HÓA**

Số 467 Lê Hoàn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

- BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 09/06/2016
đến ngày 31/12/2016

MÃU SỐ B 09-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

4. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		09/06/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.201.160.916	-	1.455.885.097	-
Công cụ, dụng cụ	30.125.202	-	28.725.202	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	33.109.826.643	-	24.454.295.643	-
Thành phẩm	176.094.895	-	176.094.895	-
Hàng hoá	33.295.777	-	47.649.150	-
Cộng	34.550.503.433	-	26.162.649.987	-

5. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Tại ngày 09/06/2016	11.075.307.940	15.420.405.500	44.404.263.864	45.413.636	249.239.482	71.194.630.422
Tại ngày 31/12/2016	11.075.307.940	15.420.405.500	44.404.263.864	45.413.636	249.239.482	71.194.630.422
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 09/06/2016	3.362.051.295	6.440.754.076	15.450.592.095	27.752.780	125.828.152	25.406.988.398
Khấu hao trong kỳ	668.056.501	1.022.165.671	3.359.175.414	8.830.430	24.564.031	5.082.792.047
Tại ngày 31/12/2016	4.030.107.796	7.462.929.747	18.809.767.509	36.583.210	150.392.183	30.489.780.445
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 09/06/2016	7.713.256.645	8.979.641.424	28.953.671.769	17.660.856	123.411.330	45.787.642.024
Tại ngày 31/12/2016	7.045.200.144	7.957.475.753	25.594.496.355	8.830.426	98.847.299	40.704.849.977

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN/DÀI HẠN

	31/12/2016	09/06/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng;	2.136.982.787	-
Cộng	<u>2.136.982.787</u>	<u>-</u>
b) Dài hạn		
Giá trị lợi thế kinh doanh (*)	4.903.729.799	6.087.388.716
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	457.799.980	2.152.217.087
Cộng	<u>5.361.529.779</u>	<u>8.239.605.803</u>

(*) Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa theo quyết định phê duyệt phương án cổ phần hoá số 4703 ngày 13/11/2015 với số tiền là 6.087.388.716 đồng, được phân bổ trong thời gian 03 năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH
ĐÔ THỊ THANH HÓA

Số 467 Lê Hoàn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 09/06/2016
đến ngày 31/12/2016
MẪU SỐ B 09-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

7. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2016		09/06/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Giac thông 2 - TP Thanh Hóa	1.080.306.000	1.080.306.000	1.080.306.000	1.080.306.000
Công ty TNHH Xây dựng và kinh doanh Ngọc Anh	14.215.045.248	14.215.045.248	8.113.029.599	8.113.029.699
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Cát Tương	1.846.681.000	1.846.681.000	-	-
Đối tượng khác	13.869.150.265	13.869.150.265	10.124.020.395	10.124.020.395
Cộng	31.011.182.513	31.011.182.513	19.317.356.094	19.317.356.094

8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2016		Số đã thực nộp trong kỳ VND		Số có khả năng trả nợ VND	
	Giá trị VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Giá trị VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a. Các khoản phải thu						
Thuế tài nguyên	111.950	-	111.950	-	-	-
Cộng	111.950	-	111.950	-	-	-
b. Các khoản phải trả						
Thuế giá trị gia tăng	791.551.676	8.614.170.456	8.940.546.508	1.117.927.728	1.117.927.728	1.117.927.728
Thuế thu nhập doanh nghiệp	97.982.694	382.745.990	595.221.768	310.458.472	310.458.472	310.458.472
Thuế tài nguyên	-	594.255	32.999.830	32.405.575	32.405.575	32.405.575
Thuế khác	153.351	4.917.852	4.802.680.026	4.797.915.525	4.797.915.525	4.797.915.525
Cộng	889.687.721	9.002.428.553	14.371.448.132	6.258.707.300	6.258.707.300	6.258.707.300

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÓ THỊ THANH HÓA

Số 467 Lê Hoàn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 09/06/2016 đến ngày 31/12/2016

MÁU SỐ B 09-D-N

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

9. PHẢI TRẢ NGÂN HẠN KHÁC

	31/12/2016	09/06/2016
	VND	VND
Kinh phí công đoàn;	177.640.681	141.248.341
Bảo hiểm xã hội;	-	641.894
Các khoản phải trả, phải nộp khác	27.565.143.539	17.803.996.294
- Các khoản trích trước chi phí dự án "Lô mô cảnh quan dòng họ - Nghĩa trang nhân dân chợ Nhàn"	23.107.760.239	15.320.680.457
- Các khoản phải trả khác	4.457.383.309	2.483.315.837
Cộng	27.742.784.220	17.945.886.529

10. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGÂN HẠN

	31/12/2016		Trong kỳ		09/06/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	5.410.000.000	5.410.000.000	3.825.000.000	1.725.000.000	3.310.000.000	3.310.000.000
Vay cá nhân không lãi suất (i)	5.410.000.000	5.410.000.000	3.825.000.000	1.725.000.000	3.310.000.000	3.310.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	4.565.204.368	4.565.204.368	-	-	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh V.11 - Vay và nợ thuế tài chính dài hạn)	4.565.204.368	4.565.204.368	-	-	-	-
Tổng	9.975.204.368	9.975.204.368			3.310.000.000	3.310.000.000

(i) Các khoản vay ngắn hạn là các khoản vay cá nhân nhằm duy trì hoạt động kinh doanh, các khoản vay không tính lãi và không có tài sản đảm bảo.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH
ĐÔ THỊ THANH HÓA**

Số 467 Lê Hoàn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 09/06/2016
đến ngày 31/12/2016

MẪU SỐ B 09-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

11. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2016		Trong kỳ		09/06/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn	53.030.118.091	53.030.118.091	1.271.963.737	3.436.901.429	55.195.055.783	55.195.055.783
Vay Bộ Tài Chính - phần gốc vay (i)	38.606.073.129	38.606.073.129	-	1.191.577.000	39.797.650.129	39.797.650.129
Vay Bộ Tài Chính - phần lãi vay (i)	11.232.044.962	11.232.044.962	1.271.963.737	1.585.324.429	11.545.495.654	11.545.495.654
Ngân hàng TMCP Công Thương - CN Thanh Hóa (ii)	912.000.000	912.000.000	-	240.000.000	1.152.000.000	1.152.000.000
Quý Bảo vệ môi trường Việt Nam (iii)	2.280.000.000	2.280.000.000	-	420.000.000	2.700.000.000	2.700.000.000
Trừ" Vay dài hạn đến hạn trả	4.565.204.368	4.565.204.368				
Vay Bộ Tài Chính - phần gốc vay	2.383.154.000	2.383.154.000			-	-
Vay Bộ Tài Chính - phần lãi vay	1.462.050.368	1.462.050.368			-	-
Ngân hàng TMCP Công Thương - CN Thanh Hóa	520.000.000	520.000.000			-	-
Quý Bảo vệ môi trường Việt Nam	200.000.000	200.000.000			-	-
Cộng	48.464.913.723	48.464.913.723			55.195.055.783	55.195.055.783

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

II. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)

(i) Theo hợp đồng ủy quyền số 09/2004/UQ/BTC-TCDN ngày 19/8/2004 về việc quản lý vốn vay tín dụng nước ngoài dự án Cải thiện Môi trường Đô thị miền trung vay vốn ADB ký giữa Quỹ hỗ trợ Phát triển (nay là Ngân hàng Phát triển Việt Nam) và Bộ Tài Chính. Khoản vay theo Hiệp định vay giữa Bộ Tài Chính và Công ty Môi trường và Công trình Đô Thị Thanh Hóa (nay là Công ty CP Môi trường và Công trình trình Đô Thị thành phố Thanh Hóa) để thực hiện dự án Cải thiện môi trường đô thị Miền Trung - ADB ký ngày 05 tháng 05 năm 2004. Khoản vay được giải ngân bằng các phương tiện vận tải, thiết bị vận hàng và bảo dưỡng thuộc cấu phần B, C và D của dự án. Thời hạn giải ngân đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2009. Thời hạn vay vốn là 20 năm, thời gian ân hạn trả nợ gốc và lãi là 6 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên của dự án. Lãi suất vay vốn là 5,4%/năm. Trong thời gian ân hạn, khoản lãi tạm thời chưa thu. Sau thời hạn ân hạn, khoản lãi này sẽ thu tuần tự trong 6 năm tương ứng tiếp theo, vào các ngày 1/6 và 1/12 hàng năm. Lãi phạt chậm nộp bằng 150% lãi trong hạn. Phí cho vay lại của Ngân hàng Phát triển Việt Nam là 0,25%/năm trên số dư nợ (đã nằm trong lãi suất cho vay nêu trên).

(ii) Khoản vay ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa theo hợp đồng số 232/2015/HDTDDA/NHCT420-URENCO ký ngày 10 tháng 12 năm 2015 với số tiền là 1.236.800.000 đồng để đầu tư cho dự án nâng cao năng lực vận chuyển rác thải sinh hoạt thành phố Thanh Hóa. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất cho vay được tính bằng lãi suất cơ sở cộng (+) 4%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi được thanh toán định kỳ hàng tháng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(iii) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng đầu tư bảo vệ môi trường số 12-15/TDĐT-QMT/MTDTH ký ngày 27 tháng 11 năm 2015 giữa Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam và Công ty TNHH MTV Môi Trường và Công trình Đô thị Thanh Hóa và phụ lục hợp đồng số 01/12-15/TDĐT-QMT/MTDTH ký ngày 22 tháng 02 năm 2016. Số tiền vay là 2.800.000.000 đồng trong thời hạn vay 5 năm tính từ khi bên vay nhận được khoản vay đầu tiên. Lãi suất vay vốn là 3,6%/năm, lãi suất cố định trong thời gian vay vốn. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tiền lãi thanh toán định kỳ hàng tháng, gốc vay trả theo quý. Khoản vay không có tài sản đảm bảo

Các hợp đồng vay dài hạn ngân hàng được trả nợ theo kế hoạch:

	31/12/2016
	VND
Trong vòng 1 năm	4.565.204.368
Từ 2 năm trở đi	48.464.913.723
Cộng	53.030.118.091
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (xem thuyết minh V.10 - Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn)	4.565.204.368
Số phải trả sau 12 tháng	48.464.913.723

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH
ĐÔ THỊ THANH HÓA**
Số 467 Lê Hoàn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 09/06.2016
đến ngày 31/12.2016
MÀU SỐ B 09-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a/ Bảng biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 09/06/2016	32.977.900.000	-	32.977.900.000
Lợi nhuận tăng trong kỳ		978.803.087	978.803.087
Giảm khác		(2.780.590)	(2.780.590)
Số dư tại ngày 31/12/2016	32.977.900.000	976.022.497	33.953.922.497

b/ Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2016 VND	09/06/2016 VND
Nguồn vốn ngân sách nhà nước	17.297.900.000	17.297.900.000
Đỗ Thị Minh Hải	7.022.000.000	7.022.000.000
Nguồn vốn từ nhân khác	8.658.000.000	8.658.000.000
Tổng cộng	32.977.900.000	32.977.900.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH
ĐÔ THỊ THANH HÓA**

Số 467 Lê Hoàn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 09/06/2016

đến ngày 31/12/2016

MẪU SỐ B 09-DN

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 09/06/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 01/01/2016 đến 08/06/2016 VND
Doanh thu về bán hàng hóa về cung cấp dịch vụ	115.730.368.677	63.985.755.068
Doanh thu lô mộ cảnh quan đồng họ	13.719.405.479	10.146.643.633
Doanh thu bán lô mộ cát tảng C4	3.502.034.701	3.022.074.591
Doanh thu dịch vụ khác	98.508.928.497	50.817.036.844
Các khoản giảm trừ doanh thu	261.324.649	62.975.999
- Giảm giá hàng bán	261.324.649	62.975.999
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>115.469.044.028</u>	<u>63.922.779.069</u>

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 09/06/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 01/01/2016 đến 08/06/2016 VND
Doanh thu lô mộ cảnh quan đồng họ	13.719.405.479	10.146.643.633
Doanh thu bán lô mộ cát tảng C4	3.502.034.701	3.022.074.591
Doanh thu dịch vụ khác	87.059.873.255	44.508.777.885
Cộng	<u>104.281.313.435</u>	<u>57.677.496.109</u>

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 09/06/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 01/01/2016 đến 08/06/2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	137.106.535	296.481.082
Cộng	<u>137.106.535</u>	<u>296.481.082</u>

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 09/06/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 01/01/2016 đến 08/06/2016 VND
Chi phí lãi vay	1.388.469.737	1.000.694.010
Cộng	<u>1.388.469.737</u>	<u>1.000.694.010</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH
ĐÔ THỊ THANH HÓA**

Số 467 Lê Hoàn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 09/06/2016
đến ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MAU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 09/06/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2016 đến 08/06/2016
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.480.066.014	1.679.370.453
Chi phí vật liệu quản lý	520.011.172	421.191.853
Khấu hao tài sản cố định	367.980.952	158.911.610
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.908.844.256	598.995.913
Chi phí bằng tiền khác	1.234.296.236	1.418.319.755
Cộng	8.511.198.630	4.276.789.584

6. THU NHẬP KHÁC

	Từ 09/06/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2016 đến 08/06/2016
	VND	VND
Doanh thu bán hồ sơ thầu	10.000.000	-
Thu nhập khác	2.684	166.963.862
Cộng	10.002.684	166.963.862

7. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 09/06/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2016 đến 08/06/2016
	VND	VND
Các khoản bị phạt;	59.843.840	266.501.587
Chi phí khác	15.559.749	54.154.256
Cộng	75.403.589	320.655.843

8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Từ 09/06/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2016 đến 08/06/2016
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	1.359.767.856	1.091.988.467
Thu nhập tính thuế của hoạt động chịu thuế suất 20%	1.214.632.683	-
Thu nhập tính thuế của hoạt động chịu thuế suất 10%	145.135.173	-
Cộng: Chi phí không được trừ	53.657.790	266.501.587
Thu nhập tính thuế TNDN	1.413.425.646	1.358.490.054
Thu nhập tính thuế của hoạt động chịu thuế suất 20%	1.268.290.474	-
Thu nhập tính thuế của hoạt động chịu thuế suất 10%	145.135.173	-
Thuế TNDN năm trước truy thu	112.793.157	-
Thuế TNDN hiện hành	380.964.769	186.489.244

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH
ĐÔ THỊ THANH HÓA**

Số 467 Lê Hoàn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 09/06/2016

đến ngày 31/12/2016

MÃU SỐ B 09-DN

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

9. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 09/06/2016 đến 31/12/2016 VND
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	978.803.087
Trừ Quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	978.803.087
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.297.790
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	297

(*) Điều lệ hoạt động và quy chế tài chính của Công ty không quy định cụ thể về việc phải trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi. Đồng thời, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty chưa đến kỳ tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017. Theo đó, Công ty không ước tính quỹ khen thưởng phúc lợi cần trích lập khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ hoạt động từ ngày 09 tháng 06 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 (năm tài chính đầu tiên Công ty chuyển sang công ty cổ phần)

10. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 09/06/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 01/01/2016 đến 08/06/2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	26.594.054.449	8.514.941.611
Chi phí nhân công	38.949.927.218	24.143.773.057
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.082.792.047	2.626.536.915
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.454.957.072	23.977.642.780
Chi phí khác bằng tiền	8.366.312.279	1.418.319.755
Cộng	121.448.043.065	60.681.214.118

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH
ĐÔ THỊ THANH HÓA**

Số 467 Lê Hoàn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 09/06/2016

đến ngày 31/12/2016

MẪU SỐ B 09-DN

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	31/12/2016	09/06/2016
	VND	VND
Các khoản vay	58.440.118.091	58.505.055.783
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	33.118.530.054	24.430.805.554
Nợ thuần	25.321.588.037	34.074.250.229
Vốn chủ sở hữu	33.953.922.497	32.977.900.000
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	75%	103,32%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số III.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2016	09/06/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	33.118.530.054	24.430.805.554
Phải thu khách hàng và phải thu khác	52.239.820.989	39.833.316.456
Các khoản ký quỹ	650.000.000	652.580.000
Cộng	86.008.351.043	64.916.702.010
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ	58.440.118.091	58.505.055.783
Phải trả người bán và phải trả khác	58.753.966.733	37.263.242.623
Cộng	117.194.084.824	95.768.298.406

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cùng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH
ĐÔ THỊ THANH HÓA**

Số 467 Lê Hoàn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 09/06/2016

đến ngày 31/12/2016

MẪU SỐ B 09-DN

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

I. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua vật tư từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của vật tư.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua vật tư từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của vật tư.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH
ĐÔ THỊ THANH HÓA**

Số 46/ Lê Hoàn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 09/06/2016

đến ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền

chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2016			
Tiền	33.118.530.054	-	33.118.530.054
Phải thu khách hàng và phải thu khác	52.239.820.989	-	52.239.820.989
Các khoản ký quỹ	650.000.000	-	650.000.000
Cộng	86.008.351.043	-	86.008.351.043
Tại ngày 31/12/2016			
Các khoản vay	58.440.118.091	-	58.440.118.091
Phải trả người bán và phải trả khác	58.753.966.733	-	58.753.966.733
Cộng	117.194.084.824	-	117.194.084.824
Chênh lệch thanh khoản thuần	(31.185.733.781)	-	(31.185.733.781)

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH
ĐÔ THỊ THANH HÓA**

Số 467 Lê Hoàn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 09/06/2016

đến ngày 31/12/2016

MẪU SỐ B 09-DN

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 09/06/2016			
Tiền	24.430.805.554	-	24.430.805.554
Phải thu khách hàng và phải thu khác	39.833.316.456	-	39.833.316.456
Các khoản ký quỹ	652.580.000	-	652.580.000
Cộng	64.916.702.010	-	64.916.702.010
Tại ngày 09/06/2016			
Các khoản vay	3.310.000.000	55.195.055.783	58.505.055.783
Phải trả người bán và phải trả khác	37.263.242.623	-	37.263.242.623
Cộng	40.573.242.623	55.195.055.783	37.263.242.623
Chênh lệch thanh khoản thuần	24.343.459.387	(55.195.055.783)	27.653.459.387

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

2. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập Ban giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong kỳ như sau:

	Từ 09/06/2016 đến 31/12/2016 VND
Lương	433.331.077
Cộng	433.331.077

3. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần được công bố hoặc điều chỉnh trên Báo cáo tài chính.

4. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh của các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán là số liệu tương ứng trình bày trên Bảng cân đối kế toán cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 08 tháng 06 năm 2016 đã được kiểm toán.

Một số chỉ tiêu trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 09 tháng 06 năm 2016 được điều chỉnh lại theo Biên bản thẩm định Báo cáo tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 08 tháng 06 năm 2016, thẩm định chi phí chuyển đổi, kinh phí hỗ trợ lao động dôi dư của Công ty TNHH MTV Môi Trường và Công trình Đô thị Thanh Hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THANH HÓA

Số 46/ Lê Hoàn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 09/06/2016 đến ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

4. SỐ LIỆU SO SÁNH (TIẾP THEO)

TÀI SẢN	Số liệu trình bày tại 08/06/2016 - Báo cáo kiểm toán		Thay đổi	Số liệu trình bày lại tại 09/06/2016 - Biên bản thẩm định của Sở tài chính	
	Mã	Số tiền		Số tiền	Mã số
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100			100	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130			130	
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	36.571.581.016	(202.252.000)	131	36.369.329.016
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	146.362.369.419	(202.252.000)	270	146.160.117.419

NGUỒN VỐN	Số liệu trình bày tại 08/06/2016 - Báo cáo kiểm toán		Thay đổi	Số liệu trình bày lại tại 09/06/2016 - Biên bản thẩm định của Sở tài chính	
	Mã	Số tiền		Số tiền	Mã
C. NỢ PHẢI TRẢ					
1. Nợ ngắn hạn	310			310	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	1.256.456.300	5.002.251.000	313	6.258.707.300
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	23.163.615.529	(5.217.729.000)	319	17.945.886.529
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	916.931.013	442.324.626	322	1.359.255.639
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400			400	
I. Vốn chủ sở hữu	410			410	
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	27.747.903.403	5.229.996.597	411	32.977.900.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	905.499.223	(905.499.223)	421	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	(930.686.220)	(4.753.596.000)	430	(5.684.282.220)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	146.362.369.419	(202.252.000)	440	146.160.117.419



Hồ Viết Lân
Giám đốc
Ngày 30 tháng 03 năm 2017

Lê Thị Thu Hà
Phụ trách kế toán

Nguyễn Thị Ngọc
Người lập